

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 1109 /BVĐHYD-KD

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư lần 4 năm 2024.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 06 tháng.
4. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
6. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
7. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 06 / 9 / 2024.
8. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hóa chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga Số điện thoại: 028 3952 5876
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B03-059-nhnga) (3).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA DƯỢC



Đặng Nguyễn Đoàn Trang



BM: CVĐT.01(1)

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 4109/BVĐHYD-KD, ngày 17 tháng 8 năm 2024)

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1	Dung dịch đệm rửa máy điện di	Dung dịch đệm rửa máy điện di được sử dụng để tách các loại protein bằng phương pháp điện di tự động - Bảo quản: 15-30°C - Đóng gói: ≤ 700 mL/ Hộp	mL	8.000	X
2	Dung dịch rửa máy điện di	Dung dịch rửa máy điện di dùng để tách các loại protein bằng phương pháp điện di tự động. - Bảo quản: 15-30°C - Đóng gói: ≤ 700 mL/ Hộp	mL	3.000	X
3	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	- Loại khay khuếch đại gồm các giếng thuốc thử chứa tối thiểu các thành phần: oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, enzym phiên mã ngược (RT), Uracil-DNA Glycosylase, và dNTPs trong dung dịch đệm với một chất nhuộm reference dye. Và các giếng mẫu chứng nội bộ (IC) không gây nhiễu với chuỗi IC và chất phụ trợ trong huyết tương người âm tính - LOD: ≤ 12 IU/ml - Khoảng tuyến tính: từ ≤ 12 IU/ml đến ≥ 200.000.000 IU/ml - Độ đặc hiệu tổng: 100% - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% Điều kiện bảo quản: - Chưa mở nắp: 2 – 8 độ C Đóng gói: ≤ 250 test/ Hộp	Test	768	X
4	Hóa chất xét nghiệm genotype HPV trên hệ PCR tự động	Tối thiểu gồm các thành phần: Các khay khuếch đại chứa các giếng thuốc thử khuếch đại chứa oligonucleotide tổng hợp, DNA Polymerase, Uracil-DNA Glycosylase và dNTPs trong dung dịch đệm - LOD: ≤ 40 tế bào/xét nghiệm - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: ≥ 93,2% - Độ phản ứng chéo, gây nhiễu khi có vi sinh vật khác: không có - Tỷ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích: 0% Điều kiện bảo quản: - Chưa mở nắp: 2 đến 8°C Đóng gói: ≤ 500 test/ Hộp	Test	8.448	X
5	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Dung dịch pha loãng mẫu dùng trong bước chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR.	Lít	7,80	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Thành phần: Tối thiểu gồm: Nước dùng trong sinh học phân tử và ProClin®950 0,15% Điều kiện bảo quản: - Chưa mở nắp: 15 đến 30°C Đóng gói: ≤ 6L/ Hộp			
6	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azide, Phosphate. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	mL	9.600	X
7	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C Chức năng: Định lượng các thành phần của HbA1c bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion. - Thành phần: cột sắc ký, tích hợp bộ tiền lọc - Dùng trong việc định lượng HbA1C trong mẫu máu toàn phần của người - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 4500 test/ Hộp	Test	16.000	X
8	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azide. pH từ 5.2 đến 5.5 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 3000 mL/ Hộp	mL	69.600	X
9	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Natri peclorat, Natri azua - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	mL	64.600	X
10	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: phenoxyethanol, natri azua - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 8 lít/ Hộp	Lít	240	X
11	Hóa chất xét nghiệm thể cetonic	Hóa chất xét nghiệm thể cetonic dùng để định lượng β-Hydroxybutyrate trong huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp định lượng đo quang với bước sóng 505 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	mL	347,50	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần sau: + Enzyme: β -hydroxybutyrate dehydrogenase, Diaphorase enzymes + Mẫu Standard - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp			
12	Cốc thuốc thử cho các thiết bị điện di mao quản	Tên mô tả hàng hóa: Cốc thuốc thử phản ứng Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Cốc thuốc thử cho các thiết bị điện di mao quản với đa đầu di	Dây	6.720	X
13	Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch rửa cho các thiết bị điện di mao quản với đa đầu di	mL	3.150	X
14	Hóa chất điện di định lượng Haemoglobin	Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất điện di định lượng Haemoglobin -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: được sử dụng để phân tách các haemoglobin bình thường (A, F, A2) và xác định biến thể haemoglobin (đặc biệt là S, C, E, D) bằng phương pháp điện di mao quản trong dung dịch đệm kiểm Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: + Dung dịch ly giải (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch rửa, dung dịch đệm Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong tủ lạnh (2 đến 8 °C)	mL	750	X
15	Hóa chất điện di định lượng Protein	Hóa chất điện di định lượng Protein -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: được sử dụng để phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiểm (pH 9,9) bằng phương pháp điện di 2 mao quản. -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: +Dung dịch đệm (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch rửa (sẵn sàng sử dụng)	mL	1.050	X
16	Dung dịch chuẩn bị mẫu nước tiểu cho xét nghiệm protein nước tiểu bằng phương pháp điện di	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch xử lý mẫu nước tiểu -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch dùng để chuẩn bị mẫu nước tiểu cho các xét nghiệm protein nước tiểu bằng phương pháp điện di trong môi trường đệm alkaline -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Gồm dung dịch đệm Dialysis buffer -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	mL	480	X
17	Ống xử lý nước tiểu trước khi phân tích protein bằng điện di	Tên mô tả hàng hóa: Ống xử lý mẫu nước tiểu Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dùng để xử lý mẫu nước tiểu trước khi thực hiện tách protein nước tiểu người	Ống	24	X
18	Dung dịch rửa kim	-Tên mô tả hàng hóa: Dung dịch rửa kim	mL	25	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	hút mẫu cho thiết bị điện di mao quản	-Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Dung dịch rửa kim hút mẫu cho thiết bị điện di đa mao quản -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: enzyme khử protein, chất hoạt tính bề mặt và phụ gia không độc hại -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C			
19	Hóa chất phân tách và định lượng Hb A1c trong máu bằng phương pháp điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất điện di HbA1c -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Bộ hóa chất được sử dụng để phân tách và định lượng Hb A1c trong máu tĩnh mạch toàn phần ở người, bằng phương pháp điện di mao quản trong dung dịch đệm kiểm trên trên thiết bị đa đầu di. -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: + Dung dịch đệm (sẵn sàng sử dụng), Dung dịch ly giải (sẵn sàng sử dụng) + Bộ lọc -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	Lít	105	X
20	Hóa chất rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Được sử dụng để rửa kim hút mẫu trên các thiết bị điện di mao quản đa đầu di -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch chứa enzyme phân giải protein, chất hoạt động bề mặt và chất phụ gia, không gây hại ở nồng độ sử dụng, cần thiết để đạt hiệu suất tối ưu. -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	mL	25	X
21	Hóa chất rửa máy đồng máu	Hóa chất rửa máy -Đặc tính, công dụng: Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống xét nghiệm đồng máu tự động -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước. -Điều kiện bảo quản: 2- 40 độ C	Lít	645	X
22	Hóa chất rửa kim máy đồng máu	Hóa chất rửa kim -Đặc tính, công dụng: Hóa chất rửa kim hệ thống máy đồng máu tự động, bền trên máy ít nhất ≥ 5 ngày. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chứa potassium hydroxide -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	mL	14.040	X
23	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hóa chất định lượng Fibrinogen -Đặc tính, công dụng: định lượng fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp Clauss Độ lặp lại đo mẫu bình thường: $CV\% \leq 2,1$ Độ lặp lại đo mẫu bất thường: $CV\% \leq 4,9$ Độ tái lặp đo mẫu bình thường: $CV\% \leq 2,1$	mL	720	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Độ tái lập đo mẫu bất thường: $CV\% \leq 3,2$ -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin.			
24	Hóa chất chuẩn nội kiểm xét nghiệm đồng máu	Nội kiểm đồng máu cho các xét nghiệm đặc biệt như yếu tố đông máu, PS, PC, ATIII -Đặc tính, công dụng: Cung cấp hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số xét nghiệm: PT, aPTT, Fibrinogen, TT, yếu tố II, yếu tố V, yếu tố VII, yếu tố VIII, yếu tố IX, yếu tố X, yếu tố XI, yếu tố XII, AT III, Protein S, Protein C, Plasminogen, Antiplasmin, Reptilase. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Thuốc thử 1 (Mức N): Huyết tương người bình thường, chống đông citrate, đông khô - Thuốc thử 2 (Mức P): Huyết tương người bất thường, chống đông citrate, đông khô. -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	mL	672	X
25	Dung dịch pha loãng mẫu pH vào khoảng 7,35	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu -Đặc tính, công dụng: pH vào khoảng 7,35 -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: dung dịch đệm -Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C	mL	1.800	X
26	Cúp chiết hóa chất xét nghiệm đông máu	Cúp chiết hóa chất đông máu -Đặc tính, công dụng: dùng để chứa hóa chất xét nghiệm đông máu, QC hoặc Calibrator -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Ống hình trụ làm bằng thủy tinh, tráng silicon bên trong; -Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng	Cái	200	X
27	Cúp chiết mẫu đông máu cho mẫu có thể tích nhỏ	Cúp chiết mẫu đông máu -Đặc tính, công dụng: Dùng để chiết huyết tương bệnh phẩm trong xét nghiệm đông máu -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Ống hình trụ đáy nhọn làm bằng nhựa -Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng	Cái	500	X
28	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S	Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S - Đặc tính, công dụng: Hóa chất định lượng hoạt độ của protein S bằng phương pháp đo từ nhằm tránh sự ảnh hưởng của huyết tương đục, tán huyết.... Sản phẩm cho phép phát hiện các thiếu hụt protein S dựa vào yếu tố Va. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Huyết tương từ người, làm lạnh khô,	mL	216	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		không có protein S. + Protein C hoạt hoá từ người, làm lạnh khô. + Nguyên liệu có chứa yếu tố Va từ bò, làm lạnh khô. -Tiêu chuẩn: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 20 mL/hộp			
29	Cồng và bi đo mẫu	Cồng đo mẫu đi kèm bi -Đặc tính, công dụng: Cồng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong -Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng	Cái	6.000	X
30	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: đệm phản ứng (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ kháng thể đơn dòng anti-HBe; (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-HBe được đánh dấu ALP Bảo quản: 2 - 8 độ C. Ngưỡng đo: C.O.I ≥ 1.0	Test	3.200	X
31	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị	Công dụng: dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống Bảo quản: 1-30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Thành phần: Sodium Hypochloride 5.0%	mL	960	X
32	Giếng phản ứng của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Giếng phản ứng trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền có công suất ≥ 200 xét nghiệm/giờ Bảo quản: 2 - 30 độ C	Cái	115.000	X
33	Hóa chất định lượng Insulin của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Hóa chất định lượng Insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng kháng insulin biotinylated (chuột) (2) Hóa chất R2 (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng kháng insulin có gắn ALP (chuột) Bảo quản: 2 - 8 độ C. Ngưỡng đo: ≤ 0.1 đến ≥ 500 µIU/mL	Test	100	X
34	Hóa chất đo mức độ glycosyl hóa của protein M2BPGi trong chẩn đoán và theo dõi các giai đoạn	Hóa chất đo mức độ glycosyl hóa của protein M2BPGi trong huyết thanh trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	xơ gan	phần: Bao gồm: (1) Hóa chất R1 (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ WFA (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-M2BP được đánh dấu ALP Bảo quản: 2 - 8 độ C. Ngưỡng đo: C.O.I: ≤ 0.10 đến ≥ 20.00			
35	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4 trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm (1) FT4 C0 (2) FT4 C1 (3) FT4 C2 (4) FT4 C3 (5) FT4 C4 (6) FT4 C5 Hạn sử dụng sau khi mở nắp: ≥ 90 ngày Bảo quản: 2 - 8 độ C	mL	12	X
36	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T3 tự do	Hóa chất định lượng hormone T3 tự do (FT3) trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Dải đo: $\leq 1,00$ đến $\geq 30,00$ pg/mL Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng (cừu) anti-T3 được đánh dấu biotin. (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa T3 được đánh dấu ALP Bảo quản: 2 - 8 độ C. Ngưỡng đo: ≤ 1.00 đến ≥ 30.00 pg/mL	Test	3.500	X
37	Hóa chất định lượng nồng độ hormone T4 tự do	Hóa chất định lượng hormone T4 tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Ngưỡng đo: ≤ 0.25 đến ≥ 6.00 ng/dL Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần bao gồm (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) anti-T4 (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa T3 được đánh dấu ALP Bảo quản: 2 - 8 độ C	Test	40.000	X
38	Hóa chất định lượng nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	Hóa chất định lượng hormone TSH trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền	Test	67.900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Dải đo: $\leq 0,002$ đến $\geq 200 \mu\text{IU/mL}$. Bao gồm: (1) Hóa chất R1: chứa kháng thể đơn dòng anti-TSH (chuột) được đánh dấu ALP (2) Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin (3) Hóa chất R3: chứa kháng thể đơn dòng (chuột) được đánh dấu biotin Bảo quản: 2 - 8 độ C			
39	Chất nền hóa phát quang của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Phương pháp hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chất nền hóa phát quang CDP-Star Bảo quản: 2 - 8 độ C	mL	12.210	X
40	Chai dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm Gram)	Chai dung dịch nhuộm vi sinh, bộ nhuộm gram. Đóng gói: $\leq 600 \text{ mL/ Hộp}$	mL	1.600	
41	Chai dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm ZIEHL - NEELSEN)	Chai dung dịch nhuộm vi sinh Ziehl-Neelsen. Đóng gói: $\leq 400 \text{ mL/ Hộp}$	mL	600	
42	Cồng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Cồng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Cồng đo phản ứng bằng nhựa dùng 1 lần	Cái	42.000	X
43	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Đầu côn hút mẫu xét nghiệm bằng nhựa dùng một lần	Cái	58.320	X
44	Dung dịch sodium hydroxide rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch rửa rửa kim máy miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm sodium hydroxide $\geq 0,4\text{N}$ - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: $\leq 100 \text{ mL/ Hộp}$	mL	1.300	X
45	Dung dịch rửa hệ thống máy miễn dịch tự động	- Dung dịch rửa dùng trong phản ứng miễn dịch. Thành phần tối thiểu gồm dung dịch muối đệm phosphat, natri azit - Điều kiện bảo quản: 28 - 30°C - Đóng gói: $\leq 5 \text{ lít/ Hộp}$	Lít	693	X
46	Dung dịch huyết thanh dê dùng pha loãng mẫu sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch pha loãng mẫu sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Dung dịch pha loãng mẫu các xét nghiệm: aHAVM, HBsII Conf, AFP, cPSA, fPSA, PSA, Rub M - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh dê; chất bảo quản - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: $\leq 30 \text{ mL/ Hộp}$	mL	320	X
47	Dung dịch phản ứng sodium hydroxide sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Được dùng trong chẩn đoán in vitro - Thành phần: Tối thiểu gồm Sodium hydroxide ($< 0.25 \text{ N}$) - Điều kiện bảo quản: 2°C - 30°C. - Đóng gói: $\leq 5 \text{ lít/ Hộp}$	Lít	36	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
48	Hóa chất định lượng Triiodothyronine tự do (FT3)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng T3 đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Chất tương tự T3 được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: Từ $\leq 0,20$ đến $\geq 20,00$ pg/mL - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo với các chất Thyroxine, Diiodothyronine, Diiodotyrosine, Monoiodotyrosine, Reverse T3 là $< 1\%$ - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$. - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	1.500	X
49	Hóa chất định lượng Thyroxine tự do (FT4)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + T4 được đánh dấu acridinium ester trong chất đệm natri barbitat; + Kháng thể thô kháng T4 đa dòng được biotin hóa được liên kết với avidin, - Khoảng tuyến tính: $\leq 0,1$ đến $\geq 12,0$ ng/dL - Độ đặc hiệu: Chỉ phản ứng chéo với các chất khi L-Triiodothyronine ≥ 1 mg/dL, Diiodotyrosine ≥ 100 mg/dL, Monoiodotyrosine ≥ 100 mg/dL, 3,5-Diiodo-L-Thyronine ≥ 10 mg/dL, Reverse Triiodothyronine (rT3) $\geq 1,50$ mg/dL - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$. - Đóng gói: < 300 test/ Hộp	Test	10.000	X
50	Hóa chất định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Albumin huyết thanh bò (BSA) kết hợp với kháng thể kháng TSH đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối đệm + Kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm; chất ổn định; chất hoạt động bề mặt; các chất bảo quản. + TSH- CAL: dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, nồng độ hormone kích thích tuyến giáp (TSH) cao và thấp; - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 0,008$ đến $\geq 150,000$ $\mu\text{IU/mL}$ (mIU/L) - Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo với hCG $\leq 200,000$ $\mu\text{IU/mL}$, FSH ≤ 1500 $\mu\text{IU/mL}$, và LH ≤ 600 $\mu\text{IU/mL}$ - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	8.470	X
51	Hóa chất định lượng hormone tuyến cận	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	Test	950	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	giáp (IPTH)	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể PTH kháng nhân đơn dòng ở chuột được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch muối đệm; + Kháng thể PTH kháng nhân đơn dòng ở chuột được biotin hóa liên kết với phân tử thuận từ phù streptavidin trong dung dịch muối đệm + PTH CAL dạng đông khô, sau khi hoàn nguyên, các mức thấp hoặc cao của peptit tổng hợp PTH nguyên vẹn - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 4,6$ đến $\geq 2000,0$ pg/mL. - Độ đặc hiệu: Không phản ứng chéo với β-Cross Laps, Calcitonin, Osteocalcin - Điều kiện bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: < 300 test/ Hộp			
52	Hóa chất định lượng Cortisol	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Cortisol được đánh dấu acridinium ester trong dung dịch muối đệm; + Kháng thể kháng cortisol ở thỏ được liên kết với kháng thể kháng IgG thỏ đơn dòng ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các phân tử thuận từ trong dung dịch muối - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 0,50$ đến $\geq 75,00$ µg/dL - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo với Aldosterone là $\leq 0,5\%$, với 11β-Hydroxyprogesterone là $\leq 2\%$, với Allotetrahydrocortisol 100 µg/dL là $\leq 15\%$, với 17α-Hydroxyprogesterone là $\leq 2\%$, với Androstenedione là $\leq 0,3\%$, với 17α-Hydroxypregnenolone là $\leq 0,3\%$, với Corticosterone là $\leq 6\%$, với 11-Keto-androsterone là $\leq 0,1\%$, với Cortisone 100 µg/dL là $\leq 35\%$, - Điều kiện bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 300 test/ Hộp	Test	500	X
53	Hóa chất định lượng Anti-Rubella IgM (bao gồm calib)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: + Kháng nguyên vi-rút rubella đã bất hoạt, được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; + Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng IgM người được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm; + Lọ chất hiệu chuẩn Rub M CAL: Huyết tương người được xử lý dương tính với kháng thể rubella IgM; - Khoảng tuyến tính: 0,00 đến $\geq 15,00$ Index - Độ nhạy: $\geq 91,0\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,1\%$.	Test	1.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp			
54	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgM CONTROL	Hóa chất kiểm chuẩn Anti-Rubella IgM CONTROL, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm Rub M. - Thành phần: Huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể rubella IgM; chất bảo quản - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	mL	21,60	X
55	Hóa chất kiểm chuẩn HIV QC	Hóa chất kiểm chuẩn HIV QC, gồm 4 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi việc thực hiện xét nghiệm CHIV. - Thành phần gồm: Huyết tương người đã xử lý không phản ứng với HIV, phản ứng với HIV-1, phản ứng với HIV-2 và phản ứng với kháng nguyên p24 HIV - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	20	X
56	Hóa chất định lượng kháng thể kháng Treponema pallidum (Syphilis TP)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: + Pha rắn gồm các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được tạo sẵn bằng kháng nguyên tái tổ hợp có gắn biotin và kháng nguyên khác tái tổ hợp có gắn biotin trong chất đệm; chất hoạt tính bề mặt; gamma globulin bò; huyết thanh dê; chất bảo quản + Hộp Thuốc thử phụ: gồm Kháng nguyên tái tổ hợp được gắn nhãn acridinium ester trong chất đệm; chất hoạt tính bề mặt; huyết thanh dê; chất bảo quản + Lọ chất hiệu chuẩn Syph CAL: gồm Huyết tương người dương tính với kháng thể Treponema pallidum; - Khoảng tuyến tính: ≤0,10 đến ≥45,00 Index - Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥99,7%. LoD: NA. LoQ: NA - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 250 test/ Hộp	Test	6.400	X
57	Hóa chất định lượng HBc toàn phần	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng nguyên lõi viêm gan B tái tổ hợp được đánh dấu acridinium ester + Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin được tạo sẵn bằng HBcAg tái tổ hợp được gắn biotin trong chất đệm + HBcT CAL huyết tương người đã xử lý dương tính với kháng thể HBc; albumin huyết thanh bò; các chất bảo quản. - Độ nhạy: ≥99,8%. Độ đặc hiệu: ≥99,8%. - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	3.000	X
58	Hóa chất định lượng	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực	Test	60.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	AHBs	tiếp '- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng nguyên bề mặt viêm gan B của người đã bất hoạt được đánh dấu bằng acridinium ester trong dung dịch đệm + Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tái tổ hợp được liên kết cộng hóa trị với các hạt từ latex trong dung dịch đệm protein + CAL: Huyết tương người đã xử lý dương tính với các kháng thể kháng HbsAg - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 3,1$ đến $\geq 1000,0$ mIU/mL. Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. LoD: $\leq 2,9$ mIU/mL. - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$. - Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
59	Hóa chất định lượng kháng thể immunoglobulin G (IgG) kháng vi-rút viêm gan C (AHCV (IgG)	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể đơn dòng kháng IgG của động vật được đánh dấu bằng acridinium ester + Các vi hạt thuận từ được bọc bằng streptavidin + CAL gồm huyết tương người đã xử lý âm tính và dương tính với kháng thể kháng HCV - Khoảng tuyến tính: Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100% - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$.	Test	60.000	X
60	Hóa chất định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg II Reagent)	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp '- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần + Kháng thể kháng HBsAg đơn dòng ở chuột được đánh dấu acridinium ester + Các hạt latex từ tinh phủ Streptavidin trong chất đệm; + CAL: CAL L: chất đệm; natri azit CAL H: HBsAg đã lọc sạch ở người; chất đệm; natri azit - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 0,1$ đến $\geq 1000,0$ Index. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$ - Điều kiện bảo quản: $2-8^{\circ}\text{C}$.	Test	60.000	X
61	Hóa chất định lượng IgE toàn phần	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể IgE kháng nhân ở dê được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể IgE kháng nhân ở chuột được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ trong chất đệm - Khoảng tuyến tính: $\leq 1,5$ đến $\geq 3000,0$ IU/mL - Độ đặc hiệu: Mức độ phản ứng chéo thấp	Test	1.550	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		với IgG ≤ 15 mg/mL, IgA ≤ 4 mg/mL, IgM ≤ 6 mg/mL - LoD: $\leq 1,4$ IU/mL. Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 100 test/hộp			
62	Hóa chất kiểm chuẩn CAL Total IgE	Hóa chất kiểm chuẩn CAL Total IgE, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm tIgE - Thành phần: sau khi hoàn nguyên, gồm IgE ở người với nồng độ cao hoặc thấp; - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/hộp	mL	8	X
63	Hóa chất định lượng CEA Reagent	Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể kháng CEA đa dòng ở thể được gắn acridinium ester + Kháng thể kháng CEA đơn dòng ở chuỗi được liên kết cộng hóa trị với các hạt thuận từ - Khoảng tuyến tính: $\leq 0,50$ đến $\geq 100,00$ ng/mL (μ g/L) - Độ nhạy: $\leq 0,26$ ng/mL - LoD: $\leq 0,88$ ng/mL. Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	17.300	X
64	Hóa chất tái khởi động quá trình đông máu	Hóa chất tái khởi động quá trình đông máu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chứa CaCl ₂ , sodium azide - NaN ₃ - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	200	X
65	Hóa chất ức chế heparin	Hóa chất ức chế heparin - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Lọ đông khô: chứa heparinase I chiết xuất từ vi khuẩn flavobacteria. + Lọ pha loãng: có chứa dung môi calcium và sodium azide NaN ₃ . - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	70	X
66	Đầu côn 320 μ l sử dụng trên máy cho xét nghiệm Rotem	Đầu côn hút máu và hóa chất - Đầu côn được thiết kế tương thích pipette tự động trên máy, không chứa DNase, RNase, endotoxin. - Thể tích hút mẫu máu và hóa chất $\geq 320\mu$ l	Cái	3.840	X
67	Xét nghiệm Panel 1 Viet miễn dịch định lượng dị ứng trên mẫu huyết thanh/ huyết tương với 20 dị nguyên cây sắn trên màng.	Xét nghiệm Panel 1 Viet Xét nghiệm miễn dịch enzyme trên màng miễn dịch nitrocellulose để phát hiện định lượng các kháng thể IgE đặc hiệu với chất gây dị ứng trong huyết thanh và huyết tương (citrate). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Membrane; Wash 25X; Antibody - Bảo quản: 2-8°C	Test	320	X
68	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức thấp	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người dạng	mL	18	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		đồng khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme - Bảo quản: chưa mở bảo quản ở 2-8°C. Đóng gói: ≤ 18 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB			
69	Hóa chất định lượng Prealbumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Prealbumin; dải đo: từ ≤ 0,03 đến ≥ 0,8 g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch các polymers trong phosphate buffered saline; Kháng thể thô kháng prealbumin người dao động - Bảo quản: 2-8°C. Sau khi mở - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD ≤ 0,0022±0,0002 g/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥7 test	mL	258	X
70	Dung dịch rửa chứa Sodium Hydroxide sử dụng cho hệ thống sinh hóa	Dung dịch rửa 2 sử dụng cho hệ thống sinh hóa - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Hydroxide; Genapol X080; Sulfonic acids; muối natri - Bảo quản: 2-25°C. - Đóng gói: ≤ 20 lít/ thùng	Lít	300	X
71	Hóa chất định lượng Calcium arsenazo	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calci; dải đo: từ ≤ 1 đến ≥ 5 mmol/L; phương pháp: Arsenazo 3, bước sóng 660/700 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Imidazole, Arsenazo III, Triton X-100 - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD ≤ 0,033±0,003 mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥58 test	mL	1.392	X
72	Hóa chất định lượng Triglyceride trên máy tự động	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride; dải đo: từ ≤ 0,1 đến ≥ 11,3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Mg2+; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipases; Glycerol kinase; Peroxidase; Ascorbate oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD ≤ 0,011±0,001 mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥12 test	mL	1.500	X
73	Cơ chất phát quang dùng cho hệ thống miễn dịch	Cơ chất phát quang Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Lumi-Phos 530 (dung dịch đậm chứa chất dioxetan Lumigen PPD, chất huỳnh quang Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp	mL	45.240	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
74	Hóa chất định lượng kháng thể TPO	Hóa chất định lượng TPO Antibody. Đánh giá chức năng tuyến giáp Công dụng: Hóa chất định lượng TPOAb Dải phân tích: 0.25 – 1000 IU/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ streptavidin và liên kết với TPO tái tổ hợp (người) gắn biotin, + Chất cộng hợp: phosphatase kiềm- Protein A (tái tổ hợp), dung dịch đệm protein (bò). Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0.25 IU/mL	Test	700	X
75	Hóa chất định lượng Progesterone	Hóa chất định lượng progesterone Dải phân tích: Từ 0,1 đến 40 ng/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Progesterone cộng hợp với phosphatase kiềm (bò), các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng IgG. + Kháng huyết thanh kháng progesterone, Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,1 ng/mL	Test	600	X
76	Hóa chất định lượng Cortisol đánh giá chức năng tuyến thượng thận	Hóa chất định lượng cortisol Dải phân tích: từ 0,4 đến 60µg/dL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Chất cộng hợp cortisol-phosphatase kiềm và các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng IgG thô, + Kháng huyết thanh kháng cortisol Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,4 µg/dL Độ nhạy: trên 95%	Test	6.300	X
77	Dung dịch kiểm chuẩn Cortisol Calibrators	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cortisol, gồm ≥ 6 mức nồng độ Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	24	X
78	Hóa chất định lượng PSA Free	Hóa chất định lượng PSA Free Dải phân tích: Từ 0,005 đến 20 ng/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể (lừa) kháng đê, kháng thể (đê) kháng biotin và kháng thể kháng PSA + Kháng thể kháng PSA tự do cộng hợp với phosphatase kiềm (bò), Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	6.000	X
79	Hóa chất định lượng CA 19-9 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 19-9 Dải phân tích: Từ 0,8 đến 2000 U/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ kháng thể kháng biotin,	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Kháng thể kháng CA 19-9 cộng hợp với phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò + Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng CA 19-9 cộng hợp với biotin Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,8 U/mL			
80	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch tự động	Giếng phản ứng Giếng phản ứng dùng cho dòng máy miễn dịch tự động công suất trên 400 test/giờ Quy cách: túi 1000 cái Chất liệu nhựa Bảo quản ở 8-30°C	Cái	220.000	X
81	Hóa chất định lượng Alpha FP	Hóa chất định lượng AFP Dải phân tích: Từ 0,5 đến 3000 ng/mL Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP, + Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP gắn phosphatase kiềm, Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,5 ng/mL	Test	41.200	X
82	Hóa chất định lượng CA 125 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 125 Dải phân tích: từ 0,5 đến 5000 U/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin, kháng thể kháng CA 125, + Chất cộng hợp: phosphatase kiềm – kháng thể kháng CA 125, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,5 U/mL	Test	10.100	X
83	Dung dịch kiểm chuẩn CA 125 calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125, gồm ≥ 6 mức nồng độ Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	15	X
84	Hóa chất định lượng CA 15-3 theo nguyên tắc miễn dịch phát quang	Hóa chất định lượng CA 15-3 Dải phân tích: từ 0,5 đến 1000 U/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, gắn biotin) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3, + Kháng thể (đơn dòng) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3 cộng hợp với phosphatase kiềm Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,5 U/mL	Test	11.100	X
85	Dung dịch kiểm chuẩn CA 15-3 calibrator	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3, gồm ít nhất 6 nồng độ Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	mL	9	X
86	Hóa chất định lượng Hybritech PSA	Hóa chất định lượng PSA toàn phần Dải phân tích: từ 0,008 đến 150 ng/mL (0,008-121 ng/mL (WHO))	Test	20.100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt từ được phủ kháng thể (đơn dòng) kháng PSA, + Kháng thể (đơn dòng) kháng PSA cộng hợp với phosphatase kiềm Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,008 ng/mL			
87	Hóa chất định lượng Free T3	Hóa chất định lượng T3 tự do Dải phân tích: từ 0,88 đến 30 pg/mL. Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ (phủ streptavidin), + Chất tương tự T3 gắn biotin + Chất cộng hợp phosphatase kiềm – kháng thể đơn dòng, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,88 pg/mL	Test	400	X
88	Hóa chất định lượng Free T4	Hóa chất định lượng Free T4 Dải phân tích: từ ≤ 0,25 đến ≥ 6,0 ng/dL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ streptavidin, + Chất cộng hợp phosphatase kiềm – Triiodothyronin, + Kháng thể (đơn dòng) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp LoQ: 0,25 ng/dL	Test	39.000	X
89	Hóa chất định lượng TSH (3rd IS)	Hóa chất định lượng TSH Dải phân tích: từ 0,005 đến 50,0 μ IU/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng TSH người, + Kháng thể (đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp LoD: ≤ 0,005 μ IU/mL LoQ: ≤ 0.01 μ IU/mL (10% between run CV)	Test	65.000	X
90	Dung dịch rửa chứa muối đệm Tris dùng cho hệ thống miễn dịch	Dung dịch rửa dùng cho dòng máy Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Muối đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, natri azide	Lít	4.700	X
91	Hóa chất định lượng Microalbumin	Hóa chất định lượng Microalbumin Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; dải đo: nước tiểu: từ ≤ 7 đến ≥ 450 mg/L, CSF: từ ≤ 10 đến ≥ 450 mg/L; phương pháp turbidimetric (đo độ đục); -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm Phosphate; Kháng thể albumin, Sodium Azide -Bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD ≤ 0,77±0,07 mg/L (nước tiểu);	mL	9.768	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		LOQ $\leq 7,7 \pm 0,7$ mg/L (nước tiểu) - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 5 test			
92	Dung dịch kiểm chuẩn Microalbumin Calibrator	Dung dịch kiểm chuẩn Microalbumin Calibrator, gồm ít nhất 5 nồng độ Chất chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp - Phù hợp hóa chất Microalbumin	mL	10	X
93	Hóa chất định lượng Complement 3 (C3)	Hóa chất cho xét nghiệm C3, dải đo: $\leq 0,15$ đến $\geq 5,0$ g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polyethylene glycol 6000; Kháng thể dẻ kháng C3 nồng độ thay đổi - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0006$ g/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 17 test	mL	144	X
94	Hóa chất định lượng Complement 4 (C4)	Hóa chất cho xét nghiệm C4, dải đo: $\leq 0,08$ đến $\geq 1,5$ g/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polyethylen glycol 6000, Kháng thể (dẻ) kháng C4 - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,0011 \pm 0,0001$ g/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 17 test	mL	144	X
95	Hóa chất định lượng LDH	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH; dải đo: ≤ 25 đến ≥ 1200 U/L; bước sóng 340 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: D(-)N-Methylglucamin buffer; Lactate; NAD + - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 4,4 \pm 0,4$ U/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 13 test	mL	240	X
96	Hóa chất định lượng CK (NAC)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK; dải đo: ≤ 10 đến ≥ 2000 U/L; bước sóng 340/660 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Immidazole; NADP - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 3,3 \pm 0,3$ U/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 9 test	mL	384	X
97	Hóa chất định lượng	Hóa chất dùng cho xét nghiệm	mL	320	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Mg ++	Magnesium; dải đo: $\leq 0,2$ đến $\geq 3,3$ mmol/L; phương pháp: Xylidyl Blue, bước sóng 520/800 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycoetherdiamine-N, N, N', N' tetraacetic acid; Xylidyl blue - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,022 \pm 0,002$ mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 6 test			
98	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin; dải đo: ≤ 15 đến ≥ 60 g/L; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nm. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Succinate buffer (pH 4,2); Bromocresol green - Bảo quản: 2-25°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,165 \pm 0,015$ g/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 29 test	mL	609	X
99	Hóa chất định lượng GPT/ALAT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT; dải đo: ≤ 3 đến ≥ 500 U/L; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: L-Alanine; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; Chất bảo quản. - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 2,2 \pm 0,2$ U/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 13 test	mL	600	X
100	Hóa chất định lượng GOT/ASAT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST; dải đo: ≤ 3 đến ≥ 1000 U/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tris buffer; L-aspartate; 2-Oxoglutarate; chất bảo quản - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD $\leq 1,1 \pm 0,1$ U/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 20 test	mL	4.150	X
101	Hóa chất đệm điện giải	Hóa chất đệm điện giải. Thành phần tối thiểu gồm Triethanolamine - Bảo quản: 15-25°C - Đóng gói: ≤ 10 L/ hộp	Lít	216	X
102	Hóa chất kiểm chuẩn standard điện giải huyết thanh mức thấp	Chất chuẩn điện giải mức trung bình. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Na+ $\leq 4,3$ mmol/L; K + $\leq 0,13$ mmol/L; Cl- $\leq 3,1$ mmol/L; - Bảo quản: 2-25°C. - Đóng gói: ≤ 10 L/ hộp - Phù hợp với hóa chất điện giải ISE	Lít	200	X
103	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu;	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu;	Lít	22	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	chiếu	- Thành phần: Tối thiểu gồm Kali clorua $\leq 1,00$ mol/L - Bảo quản: 2-25°C. - Đóng gói: ≤ 6L/ hộp - Phù hợp với hóa chất điện giải ISE			
104	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine; dải đo: ≤ 5 đến ≥ 2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Natri hiđroxit; Axit picric - Bảo quản: 2-8°C. - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 11 test	mL	22.848	X
105	Hóa chất định lượng Gama GT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT; dải đo: ≤ 5 đến ≥ 1200 U/L; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycylglycine; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 800 mL/ hộp - LOD $\leq 2,2 \pm 0,2$ U/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 10 test	mL	3.520	X
106	Hóa chất định lượng RF latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF Latex; dải đo: ≤ 10 đến ≥ 120 IU/mL; phương pháp: Immuno-turbidimetric (đo độ đục miễn dịch) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; Latex phủ IgG người - Bảo quản: 2-8°C. - đóng gói: ≤ 400 mL/ hộp - LOD $\leq 2,442 \pm 0,222$ IU/mL - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 7 test	mL	224	X
107	Hóa chất định lượng Sắt huyết thanh	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt; dải đo: ≤ 2 đến ≥ 179 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: TPTZ, bước sóng 600/800 nM. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; L-ascorbic acid; 2,4,6-Tri (2-pyridyl)-5-triazine; - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD $\leq 0,44 \pm 0,04$ $\mu\text{mol/L}$ - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 16 test	mL	240	X
108	Hóa chất định lượng Urea/Urea nitrogen	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen; dải đo: $\leq 0,8$ đến ≥ 50 mmol/L (huyết thanh); phương pháp: Kinetic UV. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NADH; Tetra-Sodium diphosphate; EDTA; 2-Oxoglutarate; Urease - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 600 mL/ hộp - LOD $\leq 0,121 \pm 0,011$ mmol/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 11	mL	1.696	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		test			
109	Hóa chất rửa đường ống và kim hút cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang	Hóa chất rửa đường ống và kim hút cho máy phân tích miễn dịch hóa phát quang - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Potassium phosphate, potassium chloride, surfactant - Bảo quản: 15 - 30 độ C - Đóng gói: ≤ 6L/ hộp	Lít	35	X
110	Chất xúc tác phản ứng miễn dịch hóa phát quang	Chất xúc tác phản ứng miễn dịch hóa phát quang - Thành phần: Tối thiểu gồm Sodium hydroxide - Bảo quản: 15 - 25 độ C - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ hộp	mL	1.000	X
111	Hóa chất định lượng beta 2 Microglobulin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm β -2 Microglobulin; dải đo: ≤ 0,5 đến ≥ 16,0 mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Phosphate buffer; Các tiểu phân latex phủ kháng thể kháng β -2 microglobulin người - Bảo quản: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp - LOD ≤ 0,066±0,006 mg/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 8 test	mL	72	X
112	Hóa chất kiểm chuẩn D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm định lượng D-Dimer dải đo bình thường và dải đo bất thường tương ứng với hóa chất chính. - Thành phần chứa D-Dimer, albumin huyết thanh bò, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	20	X
113	Hóa chất kiểm chuẩn calib ADA	Chất chuẩn cho xét nghiệm ADA - Thành phần: ADA Standard (bột đông khô), hoàn nguyên với 1 ± 0.2 mL - Bảo quản: 2-8°C.	mL	3	X
114	Hóa chất định lượng Adenosin Deaminase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ADENOSINE DEAMINASE (ADA) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 2-Ketoglutarate, adenosine, glutamate dehydrogenase, sodium azide - Bảo quản: 2-8°C.	mL	210	X
115	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt. Gồm ≥ 6 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các lượng khác nhau của protein ở người sau đây trong chất nền huyết thanh lỏng: Globulin miễn dịch G; Transferrin; Globulin miễn dịch A; Protein phản ứng C; Globulin miễn dịch M; Kháng Streptolysin O; Bỏ thể 3; Ferritin; Bỏ thể 4 - Bảo quản: 2-8°C.	mL	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp			
116	Hóa chất định lượng Ferritin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin; dải đo: ≤ 8 đến ≥ 450 ug/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch) dựa trên phản ứng dính kết Latex . - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Glycine buffer; Tiểu phân Latex phủ kháng thể thô kháng ferritin người - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp - LOD ≤ 6,017±0,547 µg/L - Hóa chất đậm đặc. 1mL sử dụng cho ≥ 6 test	mL	1.040	X
117	Hóa chất kiểm chuẩn RF latex calibrator	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa lượng RF ở người với các nồng độ khác nhau - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất RF	mL	5	X
118	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Varicella-zoster	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Varicella-zoster Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ kháng nguyên varicella-zoster virus - Chất chuẩn 1: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ thấp varicella- zoster virus IgG - Chất chuẩn 2: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ cao varicella-zoster virus IgG - Chất cộng hợp: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người liên kết với dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ ≤ 10 đến ≥ 4000 mIU/m Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,14% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Miễn dịch HPQ, gián tiếp, hai bước, định lượng, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8 độ C)	Test	100	X
119	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus Varicella-zoster	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ: Hạt từ phủ kháng nguyên varicella-zoster virus, đệm PBS, - Chất chuẩn 1: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ thấp varicella- zoster virus IgM - Chất chuẩn 2: Huyết thanh/huyết tương người có chứa nồng độ cao varicella-zoster	Test	100	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		virus IgM - Liên kết: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người liên kết với dẫn xuất isoluminol Dải đo: ngưỡng cut-off: $\leq 1,1 \pm 0,1$ index value Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 90,63% Miễn dịch HPQ, hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 4 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8 độ C)			
120	Dung dịch rửa hệ thống phân tích nhóm máu	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống chất lỏng và đầu dò trong trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch muối đậm đặc và chất màu. Chất bảo quản natri azide. Dung dịch chất hoạt động bề mặt đậm đặc và chất màu. - Bảo quản: 2-25 độ C - Đóng gói: ≤ 2000 mL/ hộp	Lít	15	X
121	Hóa chất định lượng Lupus anticoagulant	Hóa chất dùng để sàng lọc kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp xác định thời gian đông máu do nọc độc rắn Russell. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa: chiết xuất nọc độc rắn Russell, phospholipid và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	70	X
122	Hóa chất khẳng định cho xét nghiệm Lupus anticoagulant	Hóa chất dùng để phát hiện kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp xác định thời gian đông máu do nọc độc rắn Russell. - Thành phần: dạng bột đông khô, chứa: chiết xuất nọc độc rắn Russell, phospholipid được bổ sung thêm, canxi, polybren, đệm, chất ổn định, thuốc nhuộm và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	40	X
123	Hóa chất định lượng $\beta 2$ GP1 IgG	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgG kháng $\beta 2$ glycoprotein-1 ($\beta 2$ GP1). Độ nhạy $\geq 64,1\%$, Độ đặc hiệu $\geq 90,8\%$, LOD $\leq 6,4$ CU. Dải tuyến tính từ 6,4 - 6100 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ $\beta 2$ GP1, $\beta 2$ GP1 IgG Calibrator 1; $\beta 2$ GP1 IgG Calibrator 2 - Bảo quản: 2 - 8 độ C - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	300	X
124	Hóa chất định lượng aCL IgG	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgG anti-cardiolipin	Test	50	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		(aCL). Độ nhạy $\geq 54,3\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 95,6\%$. LOD $\leq 2,6$ CU. Dải tuyến tính từ 2,6 - 2024 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ cardiolipin bò; aCL IgG Calibrator 1; aCL IgG Calibrator 2 - Bảo quản: 2- 8 độ C - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp			
125	Hóa chất định lượng aCL IgM	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgM anti-cardiolipin (aCL). Độ nhạy $\geq 33,7\%$. Độ đặc hiệu $\geq 94,8\%$. LOD $\leq 1,0$ CU. Dải tuyến tính từ 1,0 - 774 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ cardiolipin bò, aCL IgM Calibrator 1; aCL IgM Calibrator 2 - Bảo quản: 2 - 8 độ C - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	300	X
126	Hóa chất định lượng MPO Reagents	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang bán định lượng nhằm phát hiện tự kháng thể MPO trong huyết thanh người. Độ nhạy $\geq 79,8\%$, Độ đặc hiệu $\geq 96,2\%$, LOD $\leq 0,4$ CU. Dải báo cáo của xét nghiệm từ 3,2 - 739,8 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm Hạt từ phủ MPO; - Bảo quản: 2 - 8 độ C. Độ ổn định sau khi mở nắp (hoặc hoàn nguyên): ≥ 84 ngày khi bảo quản trên máy - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	100	X
127	Hóa chất định lượng $\beta 2$ GP1 IgM	Hóa chất xét nghiệm dùng để bán định lượng các kháng thể IgM kháng $\beta 2$ glycoprotein-1 ($\beta 2$ GP1). Độ đặc hiệu $\geq 95,2\%$. LOD $\leq 1,1$ CU. Dải tuyến tính từ 1,1 - 841 CU. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Cartridge tích hợp các lọ thuốc thử gồm hạt từ phủ $\beta 2$ GP1, tác nhân phát hiện, $\beta 2$ GP1 IgM Calibrator 1; $\beta 2$ GP1 IgM Calibrator 2 - Bảo quản: 2 - 8 độ C - Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp	Test	250	X
128	Dung dịch kiểm chuẩn cho XN đông máu mức bình thường	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepat độ Complex ở dải đo bình thường. - Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	30	X
129	Hóa chất dùng pha	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm	mL	1.200	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	loãng trên hệ thống đồng máu	chuẩn máy trên hệ thống máy đồng máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố tiền phân tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể). - Thành phần: tối thiểu chứa Dung dịch muối natri clorid, natri azide. - Bảo quản: 15 - 25 độ C. - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp			
130	Hóa chất định lượng Thrombin Time	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian Thrombin Time (TT) - Thành phần: tối thiểu chứa thrombin (bò) (≥15 UNIH/lọ), albumin bò và đệm. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	357	X
131	Hóa chất dùng để đo thời gian PT (Hộp/5 x 8 mL+5 x 8 mL)	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT, ISI ≤ 1,05 - Thành phần tối thiểu chứa: yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, chất ổn định, chất bảo quản và đệm. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	1.200	X
132	Hóa chất dùng để đo thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. - Thành phần: tối thiểu gồm APTT reagent chứa silica keo phân tán với phospholipid tổng hợp, đệm và chất bảo quản. Calcium Chloride chứa dung dịch canxi clorua (0,025 mol/L) và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp	mL	1.020	X
133	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss. - Thành phần: tối thiểu gồm: thrombin bò, albumin bò, canxi clorid, đệm và chất ổn định. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 100 mL/ hộp	mL	100	X
134	Chất chuẩn mẫu nước tiểu Control mức 1;2	Chất chuẩn mẫu nước tiểu, gồm ≥ 2 mức nồng độ - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp	mL	90	X
135	Dung dịch kiểm tra chuẩn xét nghiệm tim mạch	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch gồm ≥ 3 mức nồng độ	mL	18	X
136	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc sắc ký ái lực	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch Methanol, dung dịch Ammonia, Dung dịch Diluent, Ethanol, TRITON X100, Sodium azide. Cột phân tích - Bảo quản: cột ở 2 - 8 độ C, dung dịch ở 2 - 28 độ C - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp	Test	12.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Bộ cột và hóa chất hoàn chỉnh ≤ 500 test xét nghiệm HbA1C			
137	Dung dịch kiểm chuẩn HDL- Cholesterol Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất HDL-Cholesterol.	mL	6	X
138	Hóa chất định lượng Prolactin	Hóa chất định lượng prolactin Dải phân tích: ≤ 0,25 đến ≥ 200 ng/mL -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Kháng thể (dê) kháng IgG chuột – kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng Prolactin, albumin huyết thanh bò (BSA) + Kháng thể (dê) kháng Prolactin – phosphatase kiềm (bò) - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 200 test/hộp	Test	1.800	X
139	Hóa chất định lượng Uric acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid; dải đo: ≤ 89 đến ≥ 1785 umol/L; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: MADB; 4- Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 300 mL/hộp	mL	1.440	X
140	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex; dải đo: ≤ 0,2 đến ≥ 480 mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric (đo độ đục miễn dịch). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Glycine buffer; Latex phủ kháng thể kháng CRP - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 300 mL/hộp	mL	1.440	X
141	Hóa chất xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp và Crossmatch	Dùng cho test Coombs trực tiếp và gián tiếp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm chéo môi trường Coombs 37°C, Thành phần: Gel card. Thành phần chứa tối thiểu: môi trường AHG: coombs, kháng thể kháng globulin người. Hỗn hợp giữa kháng thể đa dòng IgG từ thỏ và kháng thể đơn dòng. Bảo quản: 2-25 độ C - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	10.800	X
142	Hóa chất định lượng B12	Xét nghiệm yếu tố nội miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương; - Ngưỡng LOQ: ≤ 148 pg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 109 pg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Yếu tố nội phủ trên Vi hạt trong dung dịch đệm; Chất kết hợp B12 có đánh	Test	1.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dầu acridinium trong dung dịch đệm - Xét nghiệm này tuyến tính trong khoảng đo ≤ 148 đến ≥ 2000 pg/mL - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
143	Hóa chất định lượng 25-OH Vitamin D	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng 25-hydroxyvitamin D (25-OH vitamin D) - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 3,5$ ng/mL (8,8 nmol/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 3,5$ ng/mL (8,8 nmol/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-vitamin D IgG (đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Vitamin D đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Điều kiện bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	800	X
144	Hóa chất định tính EBV VCA IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgG kháng kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên EBV VCA phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp anti-human IgG (từ chuột) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	200	X
145	Dung dịch kiểm chuẩn EBV VCA IgM Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgM kháng kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	3	X
146	Hóa chất định tính EBV VCA IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện kháng thể IgM kháng kháng nguyên vỏ (Viral Capsid Antigen-VCA) của Epstein-Barr Virus (EBV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên EBV VCA phủ trên vi hạt trong đệm; Chất kết hợp kháng thể chuột kháng IgM người trong dung dịch đệm - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400	X
147	Dung dịch kiểm chuẩn PIVKA-II Calibrator	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	18	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
148	Dung dịch kiểm chuẩn PIVKA-II Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết trương; - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	24	X
149	Hóa chất định lượng C-Peptide	Xét nghiệm vi hạt hoá phát quang để định lượng C-Peptide trong huyết thanh, huyết trương và nước tiểu; - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 0,03 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,03 ng/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Anti-human C-peptide phủ trên vi hạt trong dung dịch; Chất kết hợp kháng thể kháng C-peptide người có đánh dấu acridinium - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	600	X
150	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV Control	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết trương; - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	mL	16	X
151	Hóa chất định lượng hemoglobin	Thuốc thử HGB phá hủy màng hồng cầu và Bạch cầu dành cho máy phân tích huyết học. Tối thiểu gồm các thành phần: Imidazole, Sodium Hydroxide - Điều kiện bảo quản: 15-30°C Đóng gói: ≤ 6L/ hộp	Lít	187,20	X
152	Hóa chất định lượng Vancomycin	Xét nghiệm vancomycin để định lượng vancomycin trong huyết thanh hoặc huyết trương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 1,4 µg/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,6 µg/mL - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng Anti- vancomycin (chuột), Vi hạt phủ Vancomycin - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	1.600	X
153	Hóa chất định lượng Microalbumin	Xét nghiệm Microalbumin để định lượng albumin trong nước tiểu; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): ≤ 1,3 µg/mL (mg/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): ≤ 0,4 µg/mL (mg/L) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium chloride, Sodium hydroxide, Antihuman albumin antibody, Sodium chloride, Hydrochloric acid - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 1000 test/ hộp	Test	5.760	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
154	Hóa chất định lượng Gentamicin	Xét nghiệm Gentamicin để định lượng gentamicin trong huyết thanh hoặc huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 0,5 \mu\text{g/mL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 0,1 \mu\text{g/mL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng (tử chuột) kháng gentamicin, Albumin huyết thanh bò, Vi hạt phủ Gentamicin - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 500 test/ hộp	Test	400	X
155	Ống tiền xử lý cho xét nghiệm ghép tạng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Ống tiền xử lý (Transplant Pretreatment tube) cho xét nghiệm ghép tạng, thực hiện trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Điều kiện bảo quản: 15 đến 30°C	Ống	400	X
156	Hóa chất định lượng Anti-CCP	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: CCP phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm; Kháng thể chuột kháng IgG ở người; Chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 300 test/ hộp	Test	3.200	X
157	Dung dịch xử lý dùng cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa; Tối thiểu chứa natri hydroxit; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE.	Lít	296,40	X
158	Hóa chất định lượng PIVKA-II	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): $\leq 7,6 \text{ mAU/mL}$ - Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 3,02 \text{ mAU/mL}$ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt: Anti-PIVKA-II (chuột, kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt; Anti-prothrombin (chuột, kháng thể đơn dòng), chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE. Đóng gói: ≤ 300 test/hộp	Test	2.000	X
159	Test thử cận lắng nước tiểu đo trên máy tự động	+ Test thử cận lắng nước tiểu, đo được ≥ 14 thông số + Đặc tính, công dụng: dùng để phân tích cận lắng nước tiểu + Thành phần: Tối thiểu gồm Polycarbonate + Nhiệt độ bảo quản: 0-45 độ C	Test	3.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
160	Dung dịch rửa máy phân tích nước tiểu	Dung dịch rửa máy nước tiểu - Đặc tính, công dụng: Dùng để rửa máy. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, magnesium chloridehexahydrate surfactant, - Nhiệt độ bảo quản: 15-30 độ C Đóng gói: ≤ 500 mL/ hộp	mL	416	X
161	Hóa chất xét nghiệm ANCA-Pro phương pháp ELISA	* Xét nghiệm miễn dịch enzyme giai đoạn rắn sử dụng myeloperoxidase (MPO) và proteinase 3 (PR3) tự nhiên để phát hiện bán định lượng và định tính riêng biệt các kháng thể kháng lại các kháng nguyên này trong huyết thanh của người. * Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chất hiệu chuẩn: gồm ≥ 4 nồng độ khác nhau - Kháng thể miễn dịch người liên kết với horseradish peroxidase, albumin huyết thanh bò (BSA) * Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	384	X
162	Hóa chất xét nghiệm PR3 (c-ANCA) phương pháp ELISA	* Định tính và định lượng kháng thể kháng proteinase 3 trong huyết thanh người * Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm - Chứng dương - Chất hiệu chuẩn. Globulin miễn dịch kháng người liên hợp với horseradish peroxidase * Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	192	X
163	Hóa chất xét nghiệm ANA IgG phương pháp ELISA	Xét nghiệm miễn dịch (ELISA) dùng định tính các kháng thể IgG kháng nhân (ANA). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: khay 96 giếng, chứng âm, chứng dương, Wash buffer. Độ nhạy ≥ 98%, Độ đặc hiệu ≥ 98% - Bảo quản: 2-8°C	Test	1.728	X
164	Hóa chất xét nghiệm HEV IgM phương pháp ELISA	Tối thiểu gồm các thành phần: + Khay vi giếng, + Chứng âm + Chứng dương + Đệm rửa đậm đặc. Enzyme liên hợp, chứa Horseradish peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng IgM người + Chất tạo màu/cơ chất TMB, - Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	192	X
165	Hóa chất xét nghiệm Normetanephine plasma phương pháp ELISA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme dùng để định lượng Normetanephine tự do trong huyết tương - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Normetanephine; Kháng huyết thanh Normetanephine; Các chất chuẩn và	Test	480	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		các chất chứng - Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp			
166	Hóa chất xét nghiệm Metanephrene Plasma ELISA	- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thanh vi giếng metanephrene; Kháng huyết thanh metanephrene; Các chất chuẩn và các chất chứng; - Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	576	X
167	Hóa chất xét nghiệm Anti C1q phương pháp ELISA	Định lượng tự kháng thể IgG kháng C1q ở huyết thanh hoặc huyết tương người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + CALIBRATOR: tối thiểu 6 nồng độ khác nhau + Chất chứng dương + Chất chứng âm + Enzyme liên hợp; chứa kháng thể kháng IgG người, đánh dấu HRP; PBS, BSA, chất tẩy rửa + Cơ chất TMB; + Dung dịch dừng phản ứng + Dung dịch đệm rửa - Tiêu chuẩn: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 150 test/hộp	Test	384	X
168	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây bệnh đường hô hấp - Panel 1	Bộ kit phát hiện tác nhân virus gây bệnh đường hô hấp - Kit phát hiện Influenza A virus (Flu A); Influenza B virus (Flu B); Respiratory syncytial virus A (RSV A); Respiratory syncytial virus B (RSV B); Flu A-H1; Flu A-H1pdm09; Flu A-H3 và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	600	X
169	Hóa chất PCR phát hiện 7 tác nhân gây viêm màng não	Bộ kit phát hiện virus gây viêm màng não - Kit phát hiện Herpes simplex virus 1 (HSV1), Cytomegalovirus (CMV), Human herpes virus 6 (HHV6), Herpes simplex virus 2 (HSV2), Varicella zoster virus (VZV), Epstein-Barr virus (EBV) và Human herpes virus 7 (HHV7) và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	200	X
170	Test nhanh thẩm thấu 2 chiều dùng chẩn đoán vi khuẩn H.Pylori kèm xác định CIM trong mẫu máu (WB/plasma,serum)- MP	Xét nghiệm nhanh phát hiện kháng thể kháng CIM (Current infection marker) của vi khuẩn Helicobacter pylori có trong mẫu máu (Huyết thanh, huyết tương, mẫu toàn phần) dùng để chẩn đoán H. pylori và phát hiện tình trạng đang nhiễm. - Kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch - Phương pháp thẩm thấu 2 chiều - Điều kiện bảo quản: 2°C - 28°C	Test	8.000	
171	Hóa chất định lượng Anti-HBs	Hóa chất định lượng Anti-HBs - Đặc tính: là xét nghiệm định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt vi rút Viêm gan B trong huyết thanh/ huyết	Test	800	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA”. Nguyên lý bắt cặp. - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin, HBsAg người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium - Bảo quản ở 2 - 8°C. Đóng gói: ≤ 200 test/hộp			
172	Hóa chất định lượng FT4	Hóa chất định lượng FT4 - Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA”. Nguyên lý cạnh tranh. - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng T4 (thỏ) đánh dấu phức hợp ruthenium - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	800	X
173	Hóa chất định lượng HDL-C trên máy tự động	Hóa chất định lượng HDL-C - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất. Khoảng đo: ≤ 0.08 đến ≥ 3.88 mmol/L - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	1.050	X
174	Hóa chất định lượng CRP trên máy sinh hóa	Hóa chất định lượng CRP - Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch dùng để định lượng in vitro CRP trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống sinh hóa - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP - Khoảng đo: ≤ 0.6 đến ≥ 350 mg/L - Bảo quản ở 2-8 °C.	Test	1.000	X
175	Hóa chất định lượng TSH phương pháp điện hóa phát quang trên máy tự động	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Phương pháp miễn dịch bắt cặp. Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng Bộ thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu phức hợp phát quang Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	1.000	X
176	Đèn dùng cho hệ thống máy sinh hóa tự động	Đèn halogen dùng cho hệ thống máy sinh hóa tự động 12V/50W Điều kiện bảo quản: 15-25°C	Cái	3	X
177	Hóa chất định tính Anti-Hbe	Hóa chất định tính Anti-Hbe - Công dụng/ Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người; Xét nghiệm miễn dịch	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		điện hóa phát quang “ECLIA” - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: *HBeAg, Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn Cal âm tính 1: Huyết thanh người, chất bảo quản. * Mẫu chuẩn Cal dương tính 2: Kháng thể kháng HBe (người) - Điều kiện bảo quản: 2-8°C			
178	Hóa chất định lượng Anti-Tg	Hóa chất định lượng Anti-Tg - Đặc tính: *Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể kháng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người. Định lượng kháng thể kháng Tg được dùng hỗ trợ phát hiện bệnh tuyến giáp tự miễn. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tg đánh dấu biotin (người), Kháng thể đơn dòng kháng Tg (người) đánh dấu phức hợp ruthenium - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	300	X
179	Hóa chất định lượng Anti-TSHR	- Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro sử dụng kháng thể đơn dòng kích thích tuyến giáp người được dùng để định lượng tự kháng thể kháng thụ thể TSH trong huyết thanh người. Định lượng kháng thể kháng thụ thể TSH được dùng hỗ trợ chẩn đoán phân biệt bệnh Graves. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Vi hạt phủ streptavidin, Kháng thể đơn dòng kháng TSHR đánh dấu phức hợp ruthenium - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	2.100	X
180	Chất kiểm chuẩn ThyroAb	Chất kiểm chuẩn ThyroAb, gồm 2 mức nồng độ - Công dụng/Đặc tính: là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch Anti-TSHR, Anti-TPO, và Anti-Tg - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	mL	24	X
181	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9 - Công dụng/Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA”. Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh	Test	12.600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		dầu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 19-9 đánh dấu phức hợp ruthenium - Điều kiện bảo quản: 2-8°C.			
182	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4 Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đặc biệt giúp hỗ trợ theo dõi điều trị ung thư dạ dày và ung thư buồng trứng Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA". Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	1.800	X
183	Hóa chất xét nghiệm Cortisol	Hóa chất xét nghiệm Cortisol - Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng cortisol đánh dấu biotin, Dẫn xuất cortisol, đánh dấu phức hợp ruthenium - Bảo quản ở 2-8 °C.	Test	3.600	X
184	Hóa chất định lượng CREA	Hóa chất định lượng CREA - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kali hydroxide, phosphate, Acid picric, đệm - Bảo quản: 15 -25 °C	Test	1.550	X
185	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1 -Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin đánh dấu phức hợp ruthenium - Bảo quản ở 2 -8 °C.	Test	10.800	X
186	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	- Công dụng/Đặc tính: *Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA"	Test	600	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính * Bảo quản ở 2-8 °C.			
187	Hóa chất xét nghiệm beta HCG	- Công dụng/Đặc tính: * Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng tổng của kích tố sinh dục màng đệm của người (hCG) và tiểu đơn vị β hCG trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng hCG đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng hCG đánh dấu phức hợp ruthenium Khoảng đo: ≤ 0.200 đến ≥ 10000 mIU/mL * Bảo quản ở 2-8 °C.	Test	300	X
188	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên và kháng thể HIV	Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần thuốc thử cho HIV Ag: + Kháng thể đơn dòng kháng HIV đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính (đồng khô) + Mẫu chuẩn dương tính (đồng khô) - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV đánh dấu biotin, Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV đánh dấu phức hợp ruthenium + Mẫu chuẩn âm tính (đồng khô) + Mẫu chuẩn dương tính (đồng khô) - Bảo quản ở 2-8 °C.	Test	600	X
189	Chất kiểm chuẩn HIV	Chất kiểm chuẩn HIV là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch HIV combi PT, định tính kháng nguyên, kháng thể HIV và HIV Ag trên máy xét nghiệm miễn dịch. ▪ Mẫu chứng 1: Huyết thanh người, âm tính với HIV (kháng nguyên và kháng thể) ▪ Mẫu chứng 2: Huyết thanh người, dương tính với kháng thể kháng HIV ▪ Mẫu chứng 3: huyết thanh chứng: Kháng nguyên HIV Bảo quản ở 2-8 °C.	mL	12	X
190	Dung dịch tham chiếu của điện giải	Là dung dịch tham chiếu của điện giải trên máy sinh hóa Thành phần: Tối thiểu gồm kali chloride Điều kiện bảo quản: 15-25°C	Lít	7,50	X
191	Hóa chất xét nghiệm	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để	Test	500	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	PAPP-A	định lượng protein A huyết tương liên quan đến thai kỳ trong huyết thanh người. Nguyên lý bất cặp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng PAPP-A đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PAPP-A đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: ≤ 8 đến ≥ 9300 mIU/L Điều kiện bảo quản: 2-8°C			
192	Hóa chất xét nghiệm PCT	Hóa chất xét nghiệm PCT Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần bộ thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn 1 (đồng khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng $\geq 0,10$ ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chuẩn 2 (đồng khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng ≥ 54 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chứng 1 (đồng khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng $\geq 0,50$ ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. * Mẫu chứng 2 (đồng khô): PCT (tái tổ hợp) khoảng ≥ 10 ng/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản. Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	12.500	X
193	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu. Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm phosphate; natri chloride; chất tẩy; chất bảo quản; pH $\geq 7,0$. Bảo quản ở 15-25 °C. Bảo quản tránh ánh sáng.	Lít	40	X
194	Dung dịch rửa máy máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch được sử dụng để thực hiện các việc sau: • Phục hồi điện cực • Vận chuyển hỗn hợp phản ứng thuốc thử • Rửa vi hạt phủ streptavidin • Phát tín hiệu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: đệm phosphate; tripropylamin; chất tẩy; pH $\geq 6,8$. - Bảo quản ở 15-25 °C.	Lít	764	X
195	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm yếu tố dạng thấp	mL	12	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nghiệm yếu tố dạng thấp	- Là dung dịch kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm yếu tố dạng thấp. Gồm 2 mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng từ huyết thanh người. - Điều kiện bảo quản: 2-8°C			
196	Hóa chất xét nghiệm Syphilis	Hóa chất xét nghiệm Syphilis - Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính các kháng thể kháng <i>Treponema pallidum</i> trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm này được dùng hỗ trợ trong chẩn đoán nhiễm bệnh giang mai. Nguyên lý bắt cặp. - Thuốc thử: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu TP đánh dấu biotin, Kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu TP đánh dấu phức hợp ruthenium Mẫu chuẩn âm tính (đông khô): Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể kháng TP. Mẫu chuẩn dương tính (đông khô): Huyết thanh người, phản ứng với kháng thể kháng TP. - Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	300	X
197	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm Dấu ấn ung thư	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm Dấu ấn ung thư - Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người, gồm 2 nồng độ nằm trong hai khoảng có liên quan trên lâm sàng • Mẫu chứng 1: huyết thanh chứng • Mẫu chứng 2: huyết thanh chứng Điều kiện bảo quản: 2-8°C	mL	36	X
198	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus - Là mẫu chứng đông khô lấy từ máu người với ba khoảng nồng độ, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Cyclosporine, Tacrolimus và Sirolimus sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch. - Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm • Mẫu chứng 1 • Mẫu chứng 2 • Mẫu chứng 3 Bảo quản và độ ổn định Bảo quản ở 2-8 °C.	mL	27	X
199	Hóa chất xét nghiệm CERU	Hóa chất xét nghiệm CERU - Đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng ceruloplasmin trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm. Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Khoảng đo: $\leq 0,03$ đến $\geq 1,4$ g/L. Thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng	Test	900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Bảo quản ở 2 - 8°C.			
200	Chổi lấy mẫu xét nghiệm HPV DNA	Chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung dùng cho xét nghiệm HPV DNA được đóng gói riêng từng chổi, vô trùng, sử dụng một lần	Cái	8.500	X
201	Bộ mẫu chứng cho xét nghiệm HPV	Bộ mẫu chứng cho xét nghiệm HPV. - Đặc tính, Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: chứng dương HPV (+): Tris-HCl buffer, EDTA. Trình tự HPV 16, 18, 39; Trình tự plasmid DNA chứa β - globin người. Chứng âm: Tris-HCl buffer, EDTA - Bảo quản ở 2 - 8°C	mL	100	X
202	Hóa chất định lượng GGT	Hóa chất định lượng GGT - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng trong huyết thanh và huyết tương người trên các hệ thống tự động - Bảo quản: 2-8 °C.	Test	18.000	X
203	Hóa chất định lượng nồng độ Cholesterol	Hóa chất định lượng nồng độ Cholesterol - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm PIPES, natri cholate; 4-aminophenazone, phenol, fatty alcohol polyglycol, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, peroxidase - Bảo quản: 2-8 °C.	Test	17.200	X
204	Hóa chất định lượng nồng độ glucose	Hóa chất định lượng nồng độ glucose - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm MES, Mg ²⁺ , ATP; NADP, Đệm HEPES - Bảo quản: 2-8 °C.	Test	16.000	X
205	Hóa chất định lượng nồng độ ure	Hóa chất định lượng nồng độ ure - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NaCl, Đệm TRIS, 2-oxoglutarate, NADH, ADP, urease, GLDH - Bảo quản: 2-8 °C.	Test	14.000	X
206	Hóa chất kiểm rửa hệ thống sinh hóa	Hóa chất kiểm rửa hệ thống sinh hóa - Công dụng/đặc tính: Dung dịch rửa cho các thuốc thử và ống hút mẫu hay cốc phản ứng trên máy. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: NaOH - Bảo quản: 15 - 25°C.	mL	792	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
207	Hóa chất định lượng ASLO	Hóa chất định lượng ASLO - Công dụng/đặc tính: Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bằng phương pháp miễn dịch antistreptolysin O trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Đệm TRIS, Đệm borate, hạt latex phủ streptolysin O - Bảo quản: 2-8 °C.	Test	450	X
208	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc miễn dịch	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc miễn dịch - Đặc tính: Xét nghiệm HbA1c định lượng trong máu toàn phần hoặc mẫu ly huyết. Định lượng HbA1c dựa trên xét nghiệm miễn dịch ức chế đo độ đục (TINIA) cho máu toàn phần ly giải. Xét nghiệm này có thể xác định tình trạng chuyển hóa của các bệnh nhân bị ure huyết hoặc các bệnh hemoglobin thường gặp nhất (HbAS, HbAC, HbAE). -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể HbA1c (huyết thanh cừu), HbA1c polyhapten - Khoảng đo: Hemoglobin: 2.48 đến 24.8 mmol/L - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	750	X
209	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp - Đặc tính: Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. - Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học gồm ALT (GPT); AST (GOT); Albolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin. - Bảo quản ở 2 - 8°C.	mL	40	X
210	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao - Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Nồng độ và hoạt tính điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học gồm	mL	40	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		ALT (GPT); AST (GOT); Albolase; Alkaline phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin. - Bảo quản ở 2 - 8°C.			
211	Hóa chất định lượng FT3	Hóa chất định lượng FT3 - Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý cạnh tranh. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng T3 đánh dấu phức hợp ruthenium, T3 đánh dấu biotin - Khoảng đo: ≤ 0.4 đến ≥ 50 pmol/L - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	1.000	X
212	Hóa chất bổ sung buồng ủ của máy sinh hóa	Hóa chất bổ sung buồng ủ của máy sinh hóa - Là chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống máy xét nghiệm, làm giảm thiểu sự tạo thành các bọt bong bóng có khả năng làm nhiều kết quả quang phổ. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất tẩy - Bảo quản tránh ánh sáng ở 15-25 °C:	mL	708	X
213	Hóa chất định lượng LDL-C	Hóa chất định lượng LDL-C - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm đo màu sử dụng men đồng nhất. Khoảng đo: ≤ 0.10 đến ≥ 14.2 mmol/L - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 4-aminoantipyrine; ascorbate oxidase; peroxidase; cholesterol esterase; cholesterol oxidase; peroxidase - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	2.000	X
214	Hóa chất định lượng AST	Hóa chất định lượng AST - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người. Khoảng đo: ≤ 5 đến ≥ 700 U/L -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: L-aspartate; MDH; LDH; NADH; 2-oxoglutarate - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	18.000	X
215	Hóa chất định lượng ALT	Hóa chất định lượng ALT - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người. Khoảng đo: ≤ 5 đến ≥ 700 U/L -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	Test	18.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần: Thuốc thử: L-alanine; LDH (vi sinh); 2-Oxoglutarate: NADH - Bảo quản ở 2 - 8°C.			
216	Hóa chất định lượng TRIGL	Hóa chất định lượng TRIGL - Là xét nghiệm in vitro dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đo màu sử dụng men. Khoảng đo: $\leq 0,1$ đến $\geq 10,0$ mmol/L -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: natri cholate; 4-aminophenazone; 4-chlorophenol; lipoprotein lipase; glycerol kinase; glycerol phosphate oxidase; peroxidase -Bảo quản ở 2 - 8°C.	Test	19.500	X
217	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống sinh hóa	- Công dụng/Đặc tính: *Dung dịch NaOH được dùng làm dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch natri hydroxide; chất tẩy - Bảo quản ở 15-25 °C	Lít	61,20	X
218	Hóa chất định lượng Calci toàn phần	Hóa chất định lượng Calci toàn phần - Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng calci trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp đo quang. - Khoảng đo: Huyết thanh/huyết tương: ≤ 0.20 đến ≥ 5.0 mmol/L Nước tiểu: ≤ 0.20 đến ≥ 7.5 mmol/L Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: CAPSO; NM-BAPTA; EDTA -Điều kiện bảo quản: 2-8°C	Test	4.500	X
219	Dung dịch rửa kim hệ thống xét nghiệm sinh hóa chứa NaOH	Hóa chất chứa NaOH-D -Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và công phản ứng trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa. -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: NaOHD - Điều kiện bảo quản: 15-25°C	mL	1.326	X
220	Dung dịch rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa hệ thống của máy xét nghiệm miễn dịch Dùng để rửa bộ phát hiện của máy xét nghiệm miễn dịch. Sẵn sàng để sử dụng. Điều kiện bảo quản: 15-25°C	Lít	1.384	X
221	Lọ đựng mẫu xét nghiệm HPV	Lọ đựng mẫu xét nghiệm HPV được thiết kế để bảo quản và vận chuyển các tế bào được sử dụng trong xét nghiệm phân tử và/hoặc trong chuẩn bị tiêu bản mẫu tế bào học. Khi được sử dụng cùng với các sản phẩm chẩn đoán PCR cho phép phát hiện acid nucleic đích Tối thiểu gồm các thành phần: Góc methanol, dung dịch bảo quản.	Lọ	7.500	X
222	Hóa chất định lượng	Hóa chất định lượng ACTH dùng để định	Test	900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	ACTH	lượng nội tiết tố kích thích vỏ thượng thận (ACTH) trong huyết tương người chống đông bằng EDTA - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng ACTH đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng ACTH (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium; - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 200 test/hộp			
223	Hóa chất định lượng Anti-Hbs	Hóa chất định lượng Anti-Hbs là hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt Virus viêm gan B trong huyết thanh/ huyết tương người - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin; HBsAg người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium * A-HBSII Cal1 Mẫu chuẩn 1: Anti-HBs (người) trong huyết thanh người * A-HBSII Cal2 Mẫu chuẩn 2: Anti-HBs (người) trong huyết thanh người - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	3.000	X
224	Đầu côn mẫu sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa/miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng chạy xét nghiệm miễn dịch công nghệ điện hóa phát quang - Chất liệu nhựa với ≥ 105 đầu côn hút mẫu và ≥105 cốc phản ứng trên cùng một khay. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485.	Cái	468.720	X
225	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	300	X
226	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Hai kháng thể đơn dòng kháng HBsAg đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg (chuột), kháng thể đa dòng kháng HBsAg (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium	Test	3.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		+ Mẫu chuẩn âm tính: Huyết thanh người; + Mẫu chuẩn dương tính: HBsAg khoảng ≥ 0.5 IU/mL trong huyết thanh. - Tiêu chuẩn CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
227	Hóa chất định lượng Troponin T hs	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng troponin T tìm trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý xét nghiệm: Nguyên lý bắt cặp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tìm đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tìm (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: ≤ 3 đến ≥ 10000 ng/L - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	28.800	X
228	Hóa chất xét nghiệm proBNP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide trong huyết thanh và huyết tương người. Tổng thời gian xét nghiệm là ≤ 25 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng NT-proBNP (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp	Test	15.600	X
229	Hóa chất xét nghiệm FT3	Là xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. - Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium; T3 đánh dấu biotin -Khoảng đo: ≤ 0.6 đến ≥ 50 pmol/L -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485.	Test	2.100	X
230	Hóa chất xét nghiệm FT4	Hóa chất xét nghiệm FT4 - Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 25 phút. Các thuốc thử ở dạng sẵn sàng để sử dụng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng T4 (thỏ) đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: ≤ 0.5 đến ≥ 100 pmol/L -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485.	Test	43.800	X
231	Hóa chất xét nghiệm	Hóa chất xét nghiệm TSH	Test	6.900	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	TSH	- Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm 25 phút. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Vi hạt phủ Streptavidin; Kháng thể đơn dòng kháng TSH đánh dấu biotin (chuột); Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột/người) đánh dấu phức hợp ruthenium - Khoảng đo: ≤ 0.005 đến $\geq 100 \mu\text{IU/mL}$ - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485. Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
232	Hóa chất chạy máy điện giải	Hóa chất chạy máy điện giải được sử dụng để rửa và chuẩn các điện cực: Na⁺, K⁺, Li⁺, Cl⁻, Ca²⁺. Gồm có: -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: + Natri (Na⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Kali (K⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Chloride (Cl⁻): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Calci (Ca²⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C; + Lithium (Li⁺): Chuẩn A, Chuẩn B, Chuẩn C. + Dung dịch tham chiếu: Thành phần có hoạt tính Kalichloride. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485.	Cái	15	X
233	Thanh thử nhanh phát hiện Phencyclidine nước tiểu	Thanh thử nhanh xét nghiệm chất độc Phencyclidine nước tiểu, phương pháp sắc ký miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu - Test dạng cassette, ngưỡng phát hiện: $\leq 25\text{ng/mL}$. - Bảo quản: 15-30°C - Độ chính xác: >99%	Test	25	
234	Thanh thử nhanh phát hiện Barbiturat nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Barbiturat nước tiểu, phương pháp sắc ký miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu - Test dạng cassette, ngưỡng phát hiện: $\leq 300\text{ng/mL}$, phân tích kết quả trên máy đọc mật độ quang - Độ chính xác: >97%	Test	25	
235	Thanh thử nhanh Morphine (MOP) trong nước tiểu	Thanh thử nhanh phát hiện Morphine trong nước tiểu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, ống nhỏ giọt. - Test dạng cassette, phát hiện morphin trong nước tiểu ở ngưỡng $\leq 300 \text{ ng/mL}$ - Có thể Đo mật độ quang trên máy phân tích - Bảo quản: 2-30°C	Test	200	
236	Hóa chất định lượng	Bộ kit bao gồm	Test	700	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	Interferon gamma release assay cho chẩn đoán Lao	A. Hộp QFT-ELISA gồm: - Thành phần là IFN- γ tái tổ hợp, bovine casein - Dung dịch pha loãng (Green Diluent) - Thành phần là phức hợp HRP và kháng thể kháng (IFN- γ) - Dung dịch phức hợp Enzyme-cơ chất - Dung dịch hãm (Stop solution) - Bảo quản: 2°C-8°C Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: B. Hộp QFT-Tube có 4 loại ống thu máu bao gồm: - Ống 1: Thành phần là Heparin - Ống 2: Thành phần là Heparine và kháng nguyên ESAT 6 và CFP10 - Ống 3: Thành phần là Heparine và kháng nguyên ESAT 6 và CFP10 - Ống 4: Thành phần là Heparine và Phytohaemagglutinin-P (PHA- P) - Bảo quản: 4°C-25°C			
237	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh huyết khối tĩnh mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử	Xét nghiệm đột biến gen liên quan bệnh huyết khối tĩnh mạch dựa trên phản ứng PCR và lai phân tử. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch ly giải, Dung dịch khuếch đại, Đệm pha loãng Taq, DNAT, Dung dịch rửa, Dung dịch gắn kết, Chất phát màu Bảo quản: 2-8°C	Test	20	X
238	Dung dịch nước muối 0,9%	Nước muối dùng trong xác định nhóm máu, dùng trong các xét nghiệm thuận hợp. Bảo quản nhiệt độ phòng.	Lít	1.384	X
239	Thẻ xác định AHG IgG	Card xác định phản ứng hòa hợp, Coombs. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, cũng như các chất bảo quản sodium azide 0,1% (w/v) và axit ethylenediaminetetraacetic (EDTA) 0,01M. Từ cột 1-6: Globulin kháng người (Anti-IgG (Thỏ) (Xanh lục)) Bảo quản ở nhiệt độ: 2-25 độ C, trên vỏ hộp có tem chỉ thị nhiệt độ; Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology) (GEL CARD /BIOVUE);	Test	5.400	X
240	Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể hệ nhóm máu ABO	- Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể hệ nhóm máu ABO - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: bao gồm 6 cột chứa dung dịch đệm với albumin bò và chất tăng tiềm lực đại phân tử, acid ethylenediaminetetraacetic (EDTA) - Từ cột 1-6: Chất pha loãng ngược (Reverse diluent)	Test	10.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		- Theo công nghệ ngưng kết cột CAT (Columm Agglutination Technology) AQ1172			
241	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức 1A PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	Dạng đông khô, gồm 3 mức nồng độ. Làm từ 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β - 2 - Microglobulin, CA15- 3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH) ₂ - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2- 8°C.	mL	540	X
242	Hóa chất ngoại kiểm Giang mai	Hóa chất ngoại kiểm Giang mai. Đáp ứng 1 thông số trên hệ thống máy miễn dịch. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết tương người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	mL	6	
243	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch	Hóa chất ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng 51 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư trên hệ thống máy Miễn dịch. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	mL	90	
244	Nội kiểm sinh hóa mức 2	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.	mL	100	X
245	Nội kiểm sinh hóa mức 3	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.	mL	100	
246	Nội kiểm nước tiểu mức 1	Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu gồm 13 thông số. Thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng lỏng, Mức 1, Bảo quản: 2-8°C.	mL	36	
247	Nội kiểm nước tiểu mức 2	Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu gồm 13 thông số. Thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng lỏng, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.	mL	72	
248	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máu	Thẻ định lại nhóm máu và làm phản ứng hòa hợp tại đầu giường trước truyền máu + Thành phần: tối thiểu thành phần như sau: - Anti-A - Anti-B Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%	Test	200	
249	Anti-B	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu suất: >1:256. Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, màu vàng - Bảo quản ở 2-8oC	mL	120	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
250	Hóa chất đo tải lượng đồng thời CMV, EBV, HHV6 từ mẫu lâm sàng	Kit đo tải lượng và phân biệt Cytomegalovirus, Epstein Barr Virus và Human Herpes 6 Virus bằng real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PCR-mix, Polymerase, buffer, chứng dương, và mẫu chuẩn (Standards) KSG - Độ nhạy: ≤ 400 copies/ ml - Mẫu đầu vào: DNA tách chiết từ máu ngoại vi và máu cuống rốn, huyết tương, mẫu mô, nước tiểu, mẫu phết, dịch não tủy	Test	600	X
251	Hóa chất xét nghiệm Streptococcus nhóm B từ mẫu lâm sàng	Hóa chất đo tải lượng Streptococcus nhóm B bằng real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PCR-mix, Hot Start DNA Polymerase, TE-buffer, chứng dương C+, chứng nội IC và mẫu chuẩn (Standards) - Có chứng nội ngoại sinh IC để xác định phản ứng PCR có bị ức chế và chứng nội sinh β -globin kiểm soát quá trình thu nhận bảo quan mẫu. - Độ nhạy: ≤ 300 copies/ ml - Mẫu đầu vào: DNA tách chiết từ huyết tương, mẫu phết, dịch não tủy	Test	100	X
252	Hóa chất HBV định lượng - PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ thuốc thử RT-PCR dạng đông khô, chứng nội, chứng dương, chứng âm và bộ mẫu chuẩn (standard) dạng đông khô - Gene mục tiêu: vùng 5' mã hóa HBsAg. Khả năng phát hiện các kiểu gen HBV (A, B, C, D, H) - Độ nhạy: ≤ 7 IU/ml; Giới hạn phát hiện: ≤ 7 đến $\geq 100.000.000$ IU/ml, được phân tích theo mẫu chuẩn DNA HBV của WHO. - Nguồn mẫu: huyết tương. - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	2.672	X
253	Hóa chất HCV định lượng - PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ thuốc thử RT-PCR dạng đông khô, chứng nội, chứng dương, chứng âm và bộ mẫu chuẩn (standard) dạng đông khô - Khả năng phát hiện tất cả các kiểu gen HCV - Độ nhạy: ≤ 13 IU/ml; Giới hạn phát hiện: ≤ 13 đến $\geq 100.000.000$ IU/ml, được phân tích theo mẫu chuẩn RNA HCV WHO. - Nguồn mẫu: huyết tương. - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	672	X
254	Hóa chất tách chiết DNA/RNA genomic, từ nhiều nguồn mẫu đầu vào	Hóa chất (Kit) tách chiết và tinh sạch nucleic acid tổng như DNA bộ gen người, DNA vi khuẩn, DNA và RNA virus - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành	Test	3.000	X

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		phần sau: Lysis Buffer, Proteinase K, chất bảo vệ RNA (Carrier RNA) và cột lọc (RTA Spin Filter) - Khả năng tách chiết từ ≥ 100 μ l máu tươi, ≥ 200 μ l huyết thanh/ huyết tương/ nước tiểu/ dịch não tủy (CSF)/ dịch nổi phân, ≥ 200 μ l mẫu đờm, dịch hút khí quản, sữa - Hiệu suất: tách DNA từ máu toàn phần: ≥ 1 μ g DNA - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD (chỉ thị 98/79/EC). Đóng gói: ≤ 500 test/hộp			
255	Lam màu trắng sử dụng trên máy huyết học tự động	Lam kính không màu phù hợp với máy kéo lam tự động, độ dày: $\geq 0,9$ đến $\leq 1,2$ mm, kích thước: $76 \times 26 \pm 2$ mm, khoảng mờ trên lam: ≤ 15 mm	Cái	6.000	X
256	Dung dịch rửa kim hút của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Sodium hypochlorite Bảo quản: 2- 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày	mL	72.750	X
257	Dung dịch rửa đường ống của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Dung dịch rửa đường ống trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tris buffer Bảo quản: 2 - 30 độ C	Lít	4.130	X
258	Đầu côn dùng một lần của máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động ứng dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền có công suất ≥ 200 xét nghiệm/giờ Bảo quản: 2 - 30 độ C	Cái	105.000	X
259	Hóa chất định lượng PSA tự do theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp	- Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Kháng thể chuột đơn dòng kháng PSA được đánh dấu acridinium ester + Kháng thể chuột đơn dòng kháng fPSA được liên kết với các hạt phân tử thuận từ - Khoảng tuyến tính: từ $\leq 0,01$ đến $\geq 25,00$ ng/mL (μ g/L). Độ nhạy: $\geq 86,0\%$ - LoQ: $\leq 0,01$ ng/mL - Điều kiện bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	500	X
260	Anti-AB	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu suất: $\geq 1:256$. Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, không màu - Bảo quản ở 2-8oC	mL	120	
261	Anti-D IgG/IgM	Kháng thể đơn dòng được tạo ra từ chuỗi tế bào Hybridoma bằng cách kết hợp kháng thể chuột tạo ra tế bào Lympho B với tế bào tủy chuột dùng để thử nghiệm	mL	120	

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
		ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Dung dịch dạng lỏng, không màu - Bảo quản ở 2-8°C			
262	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường nội sinh	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường nội sinh - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thromboplastin phospholipid, ellagic acid - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	200	X
263	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường ngoại sinh	Hóa chất kích hoạt đông máu con đường ngoại sinh - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: yếu tố tái tổ hợp mô Tissue factor và phospholipid, chất ức chế heparin - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	200	X
264	Hóa chất ức chế tiểu cầu	Hóa chất ức chế tiểu cầu - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: chứa cytochalasin D / DMSO và CaCl ₂ - Bảo quản: 2-8 độ C	Test	100	X
265	Chén đựng mẫu sạch và que khuấy cho xét nghiệm Rotem	Chén đựng mẫu máu xét nghiệm và que khuấy - Thành phần: nhựa y tế, bề mặt được xử lý đặc biệt hỗ trợ sự kết dính của các tập hợp tiểu cầu và fibrin. Đường kính cup: $\geq$ 8mm, đường kính pin: $\geq$ 6mm	Cái	800	X
266	Dung dịch rửa chứa hypochlorite sử dụng cho hệ thống sinh hóa tự động	Dung dịch rửa 1 sử dụng cho hệ thống sinh hóa tự động - Thành phần: Tối thiểu gồm thành phần hypochlorite - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: $\leq$ 500 mL/ bình	mL	1.900	X
267	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	- Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO ₂ . - Dạng dung dịch - Thành phần tối thiểu gồm: dung dịch đệm chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	ml	20	X
268	Dung dịch hỗ trợ xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất hỗ trợ các xét nghiệm sinh hóa; sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: NaOCl, NaOH, KOH - Tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE. Đóng gói: $\leq$ 2 lít/hộp	Lít	10	X
269	Hóa chất định lượng Troponin I siêu nhạy	Hóa chất định lượng Troponin I siêu nhạy Dải đo: $\leq$ 2,3 đến $\geq$ 27027pg/mL; Thành Phần: Tối thiểu gồm các thành phần: + Hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng) kháng troponin I tim, + Kháng thể (đơn dòng) kháng cTnI người Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: $\leq$ 200 test/ hộp	Test	5.000	X
270	Dung dịch kiểm chuẩn Troponin I siêu	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Troponin I siêu nhạy, gồm ít nhất 7 nồng	mL	25,50	X



TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
	nhạy Calibrator	độ Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp			
271	Hóa chất xét nghiệm nhẹnhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh đường hô hấp dưới bằng kỹ thuật PCR	KIT xét nghiệm nhẹnhanh chẩn đoán các tác nhân gây bệnh viêm phổi (đường hô hấp dưới), có thể phát hiện đồng thời nhẹnhanh (>25) tác nhân gây bệnh trong 1 lần xét nhẹnhanh gồm các loại vi khuẩn, vi khuẩn không điển hình, virus nhẹnhanh gặp và các gen đề kháng nhẹnhanh sinh bằng kỹ thuật PCR nhẹnhanh kín. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE hoặc tương đương	Test	390	

Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất: đối với các danh mục có đánh dấu “X”: Nhà thầu (hoặc bên thứ ba có thỏa thuận với nhà thầu) cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm cả hóa chất, vật tư dùng để thẩm định trước khi đưa vào sử dụng và tập huấn sử dụng, chuyển giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Ghi chú

Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực([1]) ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

[1]: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.



BM: CVĐT.03(1)

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký tên và đóng dấu)